

Số: /GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2137/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Nhà máy giết mổ - chế biến gia cầm xuất khẩu Viet Avis công suất 2500 con/giờ tại xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa của Công ty cổ phần thực phẩm Viet Avis;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 15/CV-AV/2025 ngày 20/01/2025 của Công ty cổ phần thực phẩm Viet Avis về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Nhà máy giết mổ - chế biến gia cầm xuất khẩu 2500 con/giờ tại xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hoá;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 152/TTr-STNMT ngày 13 tháng 02 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty cổ phần Thực phẩm Viet Avis, địa chỉ tại xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Nhà máy Giết mổ - chế biến gia cầm xuất khẩu 2500 con/giờ tại xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Nhà máy Giết mổ - chế biến gia cầm xuất khẩu Viet Avis.

1.2. Địa điểm hoạt động: Thôn Phúc Tiên, xã Hoàng Quỳ, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số 2802472152 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp đăng ký lần đầu ngày 11/7/2017, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 10/01/2023.

1.4. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Chế biến, giết mổ gia cầm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định tại Phụ lục II, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích: 51793,2 m²

- Công suất: 2500 con/giờ (làm tối đa 8h/ngày).

- Quy trình công nghệ sản xuất của Nhà máy: Tiếp nhận nguyên liệu (gà) → Treo gà, rửa lồng và rửa xe → gây mê, giết, lấy tiết → Nhúng nước nóng, vật lông, làm sạch → Làm mát → Cắt lóc → Đóng gói và lưu kho.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty cổ phần thực phẩm Viet Avis:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần thực phẩm Viet Avis có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý nước thải, chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô

nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 7 năm.

(từ ngày 25 tháng 02 năm 2025 đến ngày 25 tháng 02 năm 2032).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này.

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Hoằng Hóa và các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Thực phẩm Viet Avis;
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND huyện Hoằng Hóa (để theo dõi);
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ Văn phòng chính (KH số 5) bao gồm: Nước thải rửa chân tay; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện).
- Nguồn số 2: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nghỉ, thay ca (KH số 7) bao gồm: Nước thải rửa chân tay; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện).
- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà xưởng chính (bao gồm: Nước thải rửa chân tay; Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện); Nước thải từ quá trình giết mổ gia cầm, vệ sinh máy móc, sàn nhà xưởng).
- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe chở gà, lồng gà.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

Nhà máy có 01 dòng nước thải sau ao sinh học (đáy lót bạt HDPE chống thấm) ra mương tiêu nội đồng tại thôn Phúc Tiên, xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tiêu nội đồng của khu vực tại thôn Phúc Tiên, xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa (phía Tây Bắc của Nhà máy).

2.3. Vị trí xả thải:

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): $X(m) = 2198319$; $Y(m) = 585083$.

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: $304 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$

2.4.1. Phương thức xả thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy ra nguồn tiếp nhận.
- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn tiếp nhận:

Chất lượng nước thải sau xử lý trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá các giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B, $K_f=1,1$; $K_q=0,9$), cụ thể như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5-9	Thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ 03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅	mg/l	49,5		
3	COD	mg/l	148,5		
4	TSS	mg/l	99,0		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	9,9		
6	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	0,495		
7	Tổng N	mg/l	39,60		
8	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/l	5,94		
9	Coliform	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom và thoát nước thải

- Tuyến thu gom số 01: Nước thải nguồn số 01, 02, 03 → đường ống PVC D110, PVC D200 (tổng chiều dài L=250m) → Hồ ga → Bể thu gom (lưới tách rác, tách mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung;

- Tuyến thu gom số 02: Nước thải nguồn số 04 → rãnh thu gom có đáy tấm đan bằng thép kích thước R x H = 0,3m x 0,4m (chiều dài L = 35m) → Bể thu gom (lưới tách rác, tách mỡ) → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải gồm có:

Bể tự hoại 03 ngăn: 03 bể với tổng thể tích 12 m³/bể.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

Tóm tắt quy trình công nghệ: Bể Biogas kỵ khí → Bể điều hòa → Tháp Stripping → Bể trung gian → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng → Bể khử trùng → Mương hở → Ao sinh học (lót bạt HDPE) → Nguồn tiếp nhận.

- Công suất thiết kế: 400 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Đường (hoặc rỉ mật mía), Polymer, NaOH, Cloramin B (hoặc các hóa chất tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Cơ sở đã xây dựng bể chứa nước thải dự phòng trong trường hợp xảy ra sự cố hư hỏng hệ thống XLNT tập trung có thể tích 300 m³ kết cấu BTCT, bên trong bể có kết nối với hồ ga thu gom nước thải qua van cửa phải. Vị trí của bể sự cố: gần khu vực bể gom nước thải đầu vào của HTXLNT tập trung.

- Trường hợp phải dừng nhiều ngày để sửa chữa, thay thế thiết bị. Khi đó Nhà máy tạm dừng các hoạt động sản xuất phát sinh nước thải (cho công nhân nghỉ việc tạm thời). Sau khi khắc phục, sửa chữa xong, đưa HTXLNT tập trung vào vận hành cho công nhân đi làm trở lại.

- Hệ thống xử lý nước thải được lắp đặt thiết bị dự phòng như máy bơm, máy thổi khí (mỗi loại được trang bị tối thiểu 02 bộ thiết bị: 01 bộ làm việc; 01 bộ dự phòng).

1.4.2. Biện pháp ứng phó sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế; tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày; định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố phải dừng hoạt động để sửa chữa hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Công nhân kiểm tra, đánh giá mức độ hư hỏng cần khắc phục, sửa chữa thiết bị của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nếu các thiết bị gặp sự cố cần sửa chữa, thay thế trong thời gian ngắn (dưới 03 ngày làm việc): Công nhân dừng hoạt động của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Nước thải phát sinh được lưu giữ tạm thời trong bể sự cố và các bể thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung và đường ống thu gom từ các nguồn về. Tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, vận hành tăng công suất để đảm bảo xử lý được toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng cần phải dừng hoạt động để sửa chữa trong thời gian dài quá 03 ngày làm việc. Công ty thông báo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường, đồng thời cho nhà máy tạm dừng khâu sản xuất phát sinh nhiều nước thải, chỉ bộ phận quản lý đi làm để hạn chế lượng nước thải phát sinh. Sau khi khắc phục sự cố, tiếp tục vận hành hệ thống xử lý nước thải đảm bảo xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường tiếp nhận.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải.

2.1 Thời gian vận hành thử nghiệm: 06 tháng, kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực (thời điểm bắt đầu vận hành thử nghiệm thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 400 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 vị trí tại bể thu gom nước thải (sau lưới tách rác, tách mỡ) trước khi vào HTXLNT tập trung.

- 01 vị trí tại mương sau ao sinh học (lót bạt HDPE) trước khi ra nguồn tiếp nhận.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư theo đúng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2 phần A của Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện biện pháp khắc phục.

3.3. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả hệ thống công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, xả nước thải sau xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Có quy trình kiểm soát chặt chẽ chất lượng nước thải đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.6. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu ra; lượng điện tiêu thụ và lượng hóa chất sử

dụng,...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty cổ phần thực phẩm Viet Avis có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3.7. Công ty cổ phần thực phẩm Viet Avis chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG QUẢN LÝ VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động máy móc thiết bị trong khu vực nhà xưởng.
- Nguồn số 2: Tiếng ồn và độ rung phát sinh từ hoạt động của máy bơm, máy nén khí của hệ thống xử lý nước thải tập trung.
- Nguồn số 3: Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nằm trong khuôn viên Nhà máy tại thôn Phúc Tiên, xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiều 3^0):
 - Nguồn số 01: X= 2198017 (m), Y= 585006 (m);
 - Nguồn số 02: X= 2198010 (m), Y= 585009 (m);
 - Nguồn số 03: X= 2198145 (m), Y= 585056 (m).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí thời gian làm việc và nghỉ ngơi cho công nhân của khu vực có độ ồn cao và giảm tối đa số lượng công nhân làm việc ở đó.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc thiết bị, đối với các máy có độ rung cao sẽ lắp đặt thiết bị giảm rung chấn.
- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân làm việc trong khu vực có mức ồn cao.
- Máy phát điện dự phòng sẽ được bố trí xa khu sản xuất, nghỉ ngơi và phải được đặt trong phòng kín để hạn chế phát sinh tiếng ồn.
- Đối với tiếng ồn do gà: Phòng chờ sẽ được thiết kế kín, có khả năng cách âm và được làm mát để gà bình tĩnh trở lại trước khi đem giết mổ.
- Đảm bảo tiếng ồn tại nhà máy, khu vực làm việc đạt QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 2 phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

Stt	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	08 02 04	2
2	Mực in thải	Rắn	08 02 01	3
3	Bóng đèn huỳnh quang hỏng, thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5
4	Pin thải, Ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5
5	Bao bì nhựa thải (can nhựa, thùng nhựa dính CTNH thải)	Rắn	18 01 03	5
6	Giẻ lau dính dầu, chất hấp thụ, vật liệu lọc, vải bảo vệ thải nhiễm TPNH	Rắn	18 02 01	10
7	Dầu thải (dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải)	Lỏng	17 02 03	20
	Tổng			50

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh tại thời điểm cao nhất (kg/năm)
1	Đối với thịt, xương vụn, móng, lòng gà, nội tạng	468.000
2	Lông gà	208.000
3	Các chất thải SX khác: Bao bì thải loại, văn phòng phẩm thải, chai lọ, cột lọc thay thế của hệ thống xử lý nước cấp...	13.000
	Tổng cộng	689.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh tại thời điểm lớn nhất (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	15.600
	Tổng cộng:	15.600

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

- Thùng chứa bằng nhựa cứng, thùng phuy dung tích 100 - 240 lít; có nắp đậy kín và dán nhãn mã số CTNH.

- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH theo quy định.

2.1.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Diện tích khu vực lưu giữ chất thải nguy hại: Diện tích 30 m².

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa chất thải nguy hại có mái tôn, tường gạch bao xung quanh, nền láng xi măng; phía bên ngoài có biển cảnh báo chất thải nguy hại theo đúng quy định.

- Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng đựng rác có dung tích 120 - 500 lít đặt tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

2.2.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực nhà chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 100 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt.

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng đựng rác có nắp đậy dung tích 15 - 240 lít đặt tại các vị trí thuận lợi cho việc thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải.

2.3.2. Khu vực lưu chứa trong nhà:

- Khu vực nhà chứa rác công nghiệp có diện tích 30 m² cùng với khu vực lưu chứa chất thải rắn thông thường có tổng diện tích 100 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Khu vực lưu chứa có tường bao, có mái che, có biển dấu hiệu cảnh báo theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố đối với nước thải và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu

hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẽng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4 Tổ chức thực hiện biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP./.

PHỤ LỤC 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2025
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện biện pháp xử lý bụi, khí thải, nước thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TTBTNMT, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Chỉ được chuyển giao chất thải rắn nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường đảm bảo quy định, không gây ô nhiễm môi trường

3. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và vận hành chính thức theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

5. Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

6. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./